

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày 08-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con và yêu cầu chia tài sản chung
của vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Vũ
2. Ông Long Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Triệu Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 1090/TB-TA ngày 26 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị L; sinh năm 1988

Địa chỉ: xóm B, xã N, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình T; sinh năm: 1987

Địa chỉ: xóm B, xã N, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đoàn Thị T1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Hoàng Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H (nay là xã N), tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 12/2014 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm về nhiều mặt khiến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, quá trình mâu thuẫn ông T có sử dụng bạo lực, đánh đập bà gây thương tích, ngoài ra ông T còn sử dụng ma túy. Mặc dù vợ chồng đã tự hòa giải

hiều lần nhưng không có kết quả, bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2021 và đã từng làm đơn xin ly hôn đến Tòa án vào năm 2024 nhưng tự nguyện rút đơn vì thương con, muốn cùng ông T hàn gắn tình cảm nuôi dạy con cái nhưng hiện nay vợ chồng đã không còn tình cảm, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đình V, sinh ngày 18/11/2007 (giới tính: nam) và Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 13/7/2011 (giới tính: nữ). Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung đến khi các con thành niên và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Đình T trình bày: Ông và bà Hoàng Thị L kết hôn ngày 20/8/2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến mấy năm gần đây mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Ông và bà L đã ly thân từ khoảng tháng 2, tháng 3/2025, nay bà L yêu cầu ly hôn ông không có ý kiến gì.

Về con chung: ông xác nhận có 02 con chung như bà L trình bày, ông nhất trí cho bà L nuôi con trong trường hợp bà L phải mua nhà ở cho con trai trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày lập biên bản hòa giải (ngày 10/11/2025) và có trách nhiệm lấy vợ cho con trai. Đối với con gái Nguyễn Thị Khánh H bà L có trách nhiệm nuôi con đến khi con đủ 18 tuổi. Trường hợp bà L không đảm bảo được các điều kiện trên ông cũng không có nguyện vọng nuôi con, nếu các con muốn ở với ông thì ông đồng ý nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung ông Nguyễn Đình T có yêu cầu phản tố đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng là 01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead trị giá 40.000.000 đồng do bà L đứng tên đăng ký, ông đề nghị được chia $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe là 20.000.000 đồng.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Thị L đã cung cấp giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy đối với chiếc xe nhãn hiệu HONDA loại LEAD, màu đỏ đen biển số 11B1-530.23 đăng ký ngày 30/11/2021 và nhất trí với yêu cầu phản tố của ông T, đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 26/11/2025 cháu Nguyễn Thị Khánh H khai trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đưa ra bản án hợp tình, hợp lý, đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 1 - Cao Bằng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham

gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H (nay là xã N), tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án bà L và ông T đều thừa nhận do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2025. Bà L cho rằng cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên đề nghị được ly hôn với ông Nguyễn Đình T là có căn cứ; về con chung: Cháu V hiện nay đã đủ 18 tuổi, còn cháu H có nguyện vọng được sống cùng mẹ; về tài sản chung: bà L và ông T thống nhất tài sản chung có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead trị giá 40.000.000 đồng, ông T đề nghị bà L phải thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe với số tiền 20.000.000 đồng, bà L nhất trí với yêu cầu của ông T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L, giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung với ông T, về tài sản chung: bà L có trách nhiệm thanh toán cho ông T $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy Honda Lead là 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng

[1.1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Đình Thiên T2 tại xã N, tỉnh Cao Bằng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đình T, bà Hoàng Thị L có đơn trình bày nhất trí với yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân

Bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H (nay là xã N), tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ khoảng tháng 2, 3/2025, nay bà L yêu cầu ly hôn ông không có ý kiến gì.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*.

Bà L và ông T đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ đầu năm 2025. Khi bà L yêu cầu ly hôn ông T không có ý kiến và cũng không có bất cứ hành động nào thể hiện mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân với bà L. Hội đồng xét xử xét thấy, bà L và ông T đã không còn quan tâm, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình là vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung

Quá trình chung sống bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Đình T có 02 con chung là Nguyễn Đình V, sinh ngày 18/11/2007 (giới tính: nam) và Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 13/7/2011 (giới tính: nữ). Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung đến khi các con thành niên và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng. Ông T không có nguyện vọng nuôi con nhưng chỉ nhất trí cho bà L nuôi con trong trường hợp bà L phải mua nhà ở cho con trai trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày lập biên bản hòa giải (ngày 10/11/2025) và có trách nhiệm lấy vợ cho con trai. Nếu các con muốn ở với ông thì ông cũng đồng ý nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy tại thời điểm xét xử cháu Nguyễn Đình V đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Thị Khánh H có nguyện vọng được sống cùng mẹ là phù hợp với nguyện vọng của bà L, còn ông T cũng không có nguyện vọng nuôi con nên việc bà L đề nghị được nuôi con là có căn cứ cần được chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3]. Về nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3]. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng: bà L và ông T xác nhận có tài sản chung là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA loại LEAD biển số 11B1-530.23 chứng nhận đăng ký xe mang tên bà L, hiện nay bà L đang sử dụng có giá trị 40.000.000 đồng. Ông T đề nghị được chia $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 20.000.000 đồng, bà L đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thống nhất của các đương sự.

[4]. Về án phí: Bà L và ông T thuộc trường hợp được miễn án phí và đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí trong vụ án.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Hoàng Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

1.2. Về con chung: giao cho bà Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh H đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hoàng Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Chấp nhận yêu cầu phân tố của bị đơn Nguyễn Đình T về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại LEAD biển số 11B1-530.23 giấy chứng nhận đăng ký mang tên bà Hoàng Thị L có giá trị 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Bà L được chia tài sản bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán cho ông T $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

3. Về án phí

Bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Đình T được miễn toàn bộ án phí. Bà L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cao Bằng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000208 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

4. Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 1 - Cao Bằng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Phòng THADS khu vực 1-Cao Bằng;
- UBND xã Nam Tuấn, tỉnh Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền